TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LỤC NGẠN** **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 51/2022/HNGĐ-ST
Ngày 22 -7-2022
V/v: "Không công nhận vợ chồng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NGẠN

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hiếu.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Tạ Văn Doanh.

2. Ông Trần Đăng Thanh.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Diệp Thu Trang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân nhân dân huyện Lục Ngạn tham gia phiên toà:* Ông Nguyễn Khắc Tú - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 7 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 284/2022/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 06 năm 2022 về việc "Tranh chấp hôn nhân và gia đình" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 72/2022/QĐXX-ST ngày 07 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Chị Triệu Thị T, sinh năm 1983 (Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn C, xã C, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

* Bị đơn: Anh Vi Văn Đ, sinh năm 1977 (Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn C, xã C, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 14/3/2022, những lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Triệu Thị T trình bày:

Chị và anh Vi Văn Đ kết hôn với nhau vào năm 2004, trước khi cưới có được tìm hiểu nhau trên cơ sở tự nguyện và được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo

phong tục địa phương và làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện L, Bắc Giang. Sau ngày cưới vợ chồng về chung sống với nhau. Thời gian đầu chị và anh Đ chung sống hòa thuận hạnh phúc, nhưng đến năm 2019 phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau, không có tiếng nói chung trong phát triển kinh tế và nuôi dậy con, mỗi người một ý kiến, không ai nghe ai, không tôn trọng nhau, làm cho cuộc sống vợ chồng ngày một căng thẳng. Đến tháng 1/2020 vợ chồng sống ly thân nhau, trong thời gian sống ly thân vợ chồng không còn quan tâm đến nhau. Nay thấy vợ chồng không thể đoàn tụ được nữa, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh Vi Văn Đ.

Về con chung: Chị và anh Vi Văn Đ có ba con chung là:

1/ Vi Thị Ngọc Á, sinh ngày 02/01/2002.

2/ Vi Thị Diễm Q, sinh ngày 03/5/2004.

3/ Vi Đình T, sinh ngày 16/6/2012.

Cháu Avà cháu Q trên 18 tuổi, chị không đề nghị Tòa án giải quyết việc nuôi dưỡng con chung. Chị để cho anh Đ nuôi dưỡng cháu T, không đề nghị Toà án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản, công nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 24/6/2022 bị đơn anh Vi Văn Đ trình bầy: Anh và chị Triệu Thị T kết hôn với nhau vào năm 2004, trước khi cưới có được tìm hiểu nhau trên cơ sở tự nguyện và được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương và làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã C, L, Bắc Giang. Sau ngày cưới vợ chồng về chung sống với nhau ngay. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc, nhưng đến năm 2019 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do chị T đi làm ăn, ít quan tâm đến gia đình, con cái, làm cho mâu thuẫn vợ chồng ngày một căng thẳng. Vợ chồng sống ly thân từ năm 2020, trong thời gian sống ly thân vợ chồng không còn quan tâm đến nhau. Nay chị T làm đơn xin ly hôn, anh nhất trí.

Về con chung: Anh và chị T có 03 con chung:

1/ Vi Thị Ngọc A, sinh ngày 02/01/2002.

2/ Vi Thị Diễm Q, sinh ngày 03/5/2004.

3/ Vi Đình T, sinh ngày 16/6/2012.

Cháu Avà cháu Q trên 18 tuổi, anh không đề nghị Tòa án giải quyết việc nuôi dưỡng con chung. Anh nhận trách nhiệm nuôi dưỡng cháu T, không đề nghị Toà án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản, công nợ chung: Anh không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Tại biên bản ghi lời khai cháu Vi Đình T trình bày: Cháu có nguyện vọng được ở với bố Vi Văn Đ.

Tại biên bản xác minh ngày 24/6/2022 tại UBND xã C xác định: Không có tài liệu, giấy tờ gì lưu giữ tại UBND xã xác định việc chị Triệu Thị T và anh Vi Văn Đ làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã C.

Chị Triệu Thị T, anh Vi Văn Đ đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Toà án xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của nguyên đơn, bị đơn trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ đúng các quy định của BLTTDS.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 9; Khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 28; Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 228; Điều 271; Điều 273; Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, xử:

- Về quan hệ vợ chồng: Không công nhận chị Triệu Thị T và anh Vi Văn Đ là vợ chồng.

- Về con chung: Giao cho anh Vi Văn Đ trông nom, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Vi Đình T. Không giải quyết việc nuôi dưỡng con chung với cháu Vi Thị Ngọc A, sinh ngày 02/01/2002 và Vi Thị Diễm Q, sinh ngày 03/5/2004.

- Về tài sản, công nợ chung, ruộng canh tác: Không đặt ra xem xét.

- Về án phí: Áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 6, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Chị Triệu Thị T là nguyên đơn phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết của Toà án:

Chị Triệu Thị T có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang giải quyết cho chị được ly hôn đối với anh Vi Văn Đ. Bị đơn anh Vi Văn Đ là người có địa chỉ cư trú tại thôn: Thôn C, xã C, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Như vậy căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của BLTTDS năm 2015 thì tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang.

[2] Về sự vắng mặt của người tham gia tố tụng:

Quá trình giải quyết vụ án Toà án đã giao các văn bản tố tụng cho chị Triệu Thị T và anh Vi Văn Đ theo đúng quy định tại Điều 177 BLTTDS. Chị Triệu Thị T và

anh Vi Văn Đ đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ vào Điều 228 BLTTDS. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì thấy:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Triệu Thị T và anh Vi Văn Đ kết hôn với nhau vào năm 2004, trước khi cưới có được tự do tìm hiểu tự nguyện không ai ép buộc, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương, cả chị T và anh Đ đều trình bày có làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã C theo quy định của pháp luật nhưng anh chị đều không xuất trình được Giấy đăng ký kết hôn hoặc các tài liệu khác liên quan đến việc đăng ký kết hôn của vợ chồng anh chị, tại biên bản xác minh tại UBND xã C sau khi kiểm tra các sổ sách, giấy tờ còn lưu giữ không có tài liệu nào thể hiện chị T và anh Đ đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện L, Bắc Giang. Như vậy có thể khẳng định quan hệ hôn nhân giữa chị T va và anh Đ là hôn nhân không hợp pháp theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

Về mâu thuẫn vợ chồng: Triệu Thị T và anh Vi Văn Đ đều xác định mâu thuẫn vợ chồng phát sinh năm 2019, nguyên nhân mâu thuẫn là vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung trong phát triển kinh tế và nuôi dậy các con, không ai nghe ai, không quan tâm đến nhau, vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2020 đến nay. Cả chị T và anh Đ đều đề nghị Tòa án mở phiên tòa xét xử vụ án ly hôn vắng mặt anh chị. Điều đó chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy cần chấp nhận yêu cầu của chị Triệu Thị T để xử: Không công nhận chị Triệu Thị T và anh Vi Văn Đ là vợ chồng phù hợp với quy định tại Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình.

[3.2] Về con chung: Chị Triệu Thị T và anh Vi Văn Đ có ba con chung:

1/ Vi Thị Ngọc A, sinh ngày 02/01/2002.

2/ Vi Thị Diễm Q, sinh ngày 03/5/2004.

3/ Vi Đình T, sinh ngày 16/6/2012.

Cháu Avà cháu Q trên 18 tuổi, anh chị không đề nghị Tòa án giải quyết việc nuôi dưỡng nên hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết. Cháu T có nguyện vọng ở với anh Đ, cả chị T và anh Đ đều thống nhất thỏa thuận để anh Đ nuôi dưỡng cháu T. Do vậy cần giao cháu Vi Đình T cho anh Vi Văn Đ trông nom, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp với các Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân gia đình năm 2014. Chị Triệu Thị T được quyền thăm nom con chung không ai được cản trở.

Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con: Chị Triệu Thị T và anh Vi Văn Đ đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[3.3] Về tài sản, công nợ chung, đất nông nghiệp: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Về án phí: Chị Triệu Thị T là nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[5] Về quyền kháng cáo: Đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 9, Điều 51, Điều 53, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 228; Điều 271, khoản 1 Điều 273; Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Triệu Thị T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận chị Triệu Thị T và anh Vi Văn Đ là vợ chồng.

2. Về con chung: Giao cho anh Vi Văn Đ là người trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, giáo dục con chung: Vi Đình T, sinh ngày 16/6/2012. Sau khi ly hôn chị Triệu Thị T được quyền thăm nom con chung không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Không đặt ra xem xét giải quyết.

4. Về tài sản công nợ chung: Không đặt ra xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Triệu Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Xác nhận chị T đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0010893 ngày 16 tháng 06 năm 2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lục Ngạn. Chị Triệu Thị T đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt bản án hoặc kể từ ngày niêm yết công khai bản án.

Án xử công khai sơ thẩm./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Lục Ngạn;
- Chi cục THADS huyện Lục Ngạn;
- UBND xã C;
- Cổng thông tin điện tử TAND tối cao;
- Các đương sự,
- Lưu HS, VP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

(đã ký)

Nguyễn Văn Hiếu